

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẢO DƯỢC LIÊN HOA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THẢO DƯỢC LIÊN HOA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIEN HOA HERBAL JOINT STOCK  
COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107699260

**3. Ngày thành lập:** 09/01/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, số 246 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố  
Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                        | 1010        |
| 2.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                          | 1071        |
| 3.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                  | 1075        |
| 4.  | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                | 8110        |
| 5.  | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                             | 8699        |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690        |
| 7.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8292        |
| 8.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020        |
| 9.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                | 1020        |
| 10. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                                                                                                                                                                                                        | 0128        |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                      | 4669        |
| 12. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 13. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                               | 7320        |
| 14. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa                                                                                                                                                                                                                          | 8620        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: bán buôn máy móc thiết bị y tế                                                                                                                                                                                            | 4659        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649        |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                   | 4711        |
| 18. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, bột mù tạc và mù tạc; Sản xuất trà dược thảo; Sản xuất thực phẩm chức năng | 1079        |
| 19. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4633        |
| 20. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                           | 1030        |
| 21. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4759        |
| 22. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...                                         | 4632(Chính) |
| 23. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                          | 4610        |
| 24. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                              | 8230        |
| 25. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811        |
| 26. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4772        |

6. **Vốn điều lệ:** 686.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM SƠN NAM      | Tổ 10, Phường Thắng Lợi, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông | 17.150     | 171.500.000           | 25,000    | 091651902                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 17.150     | 171.500.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN QUANG DŨNG | P412 B16 Khu tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 17.150     | 171.500.000           | 25,000    | 001093002479                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 17.150     | 171.500.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN HOÀNG AN   | Số nhà 2, ngõ 199, phố Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 17.150     | 171.500.000           | 25,000    | 001087013098                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 17.150     | 171.500.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN THANH THẢO | Xóm 3 Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 17.150     | 171.500.000           | 25,000    | 012854346                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 17.150     | 171.500.000           | 25,000    |                                                                                             |         |

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

10. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *16/04/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001093002479*

Ngày cấp: *12/09/2014*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P412 B16 Khu tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P412 B16 Khu tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội